

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73/2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Sinh Hùng

QUY CHẾ
QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LÂM SINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh, dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng tổng hợp (sau đây gọi là dự án phát triển lâm nghiệp) có sử dụng trên 30% tổng mức vốn nhà nước (bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và các nguồn vốn khác do Nhà nước quản lý);

b) Việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh; điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng công trình lâm sinh.

2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA) thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này. Trường hợp Điều ước quốc tế mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có những quy định khác với quy định của Quy chế này thì thực hiện theo các quy định tại Điều ước quốc tế đó.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện các công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng thực hiện theo các quy định hiện hành của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản.

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân liên quan đến đầu tư xây dựng công trình lâm sinh sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng các quy định của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân liên quan đến đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình lâm sinh là diện tích rừng, vườn rừng giống, vườn cây rừng đầu dòng được tạo thành từ việc thực hiện các hoạt động lâm sinh và xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật cần thiết phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng.

2. Hoạt động lâm sinh trong các dự án công trình lâm sinh có: trồng rừng; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi tái sinh có tác động; nuôi dưỡng rừng; cải tạo rừng tự nhiên; làm giàu rừng; xây dựng nguồn giống cây rừng.

3. Trồng rừng là việc tạo ra một diện tích rừng mới trên đất trống chưa có rừng hay trên đất rừng mới khai thác trắng. Trồng rừng gồm các hoạt động từ chuẩn bị cây con, xử lý thực bì, cuốc hố, bón lót, lấp hố, vận chuyển cây con, trồng cây, chăm sóc và bảo vệ cho đến khi rừng trồng được nghiệm thu và bàn giao.

Trồng rừng bao gồm: trồng mới rừng; trồng lại rừng sau khai thác; trồng rừng trong cải tạo rừng; trồng băng xanh cản lửa; trồng rừng trong nông lâm kết hợp.

4. Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên là việc lựa chọn, xác lập những diện tích đất trống có cây tái sinh tự nhiên (trạng thái Ib, Ic) có khả năng phát triển thành rừng một cách tự nhiên với một mục đích nhất định và tổ chức bảo vệ nhằm ngăn cản những tác động không mong muốn từ bên ngoài cho đến khi đạt được tiêu chí của rừng. Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên gồm các hoạt động: thiết lập diện tích khoanh nuôi trên bản đồ và trên thực địa, tổ chức bảo vệ cho đến khi thành rừng.

5. Khoanh nuôi tái sinh có tác động là khoanh nuôi tái sinh rừng có những tác động nhất định của con người. Khoanh nuôi tái sinh có tác động gồm các hoạt động: thiết lập diện tích khoanh nuôi trên bản đồ và trên thực địa, phát luồng dây leo, cây bụi, loại bỏ những cây phi mục đích, trồng bổ sung cây (nếu cần) và bảo vệ cho đến khi thành rừng.

6. Nuôi dưỡng rừng là một hoạt động lâm sinh tác động vào một diện tích rừng với một hệ sinh thái rừng cụ thể nhằm duy trì và nâng cao chất lượng của rừng. Nuôi dưỡng rừng có thể có các hoạt động như: tỉa thưa, tỉa cành, phát luồng dây leo, cây bụi, dọn vệ sinh, loại bỏ cây phi mục đích và bảo vệ cho đến khi nghiệm thu bàn giao.

7. Cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là việc trồng lại rừng từ rừng tự nhiên nghèo kiệt.

8. Làm giàu rừng tự nhiên là những tác động lâm sinh vào một diện tích rừng tự nhiên có trữ lượng trung bình nhằm nhanh chóng đạt được trữ lượng cao hơn. Làm giàu rừng có thể có các hoạt động: điều chỉnh mật độ cây rừng với việc loại bỏ những

cây phi mục đích, tia cảnh, phát luồng dây leo, cây bụi, trồng bổ sung cây (nếu cần) và bảo vệ cho đến khi nghiệm thu bàn giao.

9. Xây dựng nguồn giống cây rừng gồm các hoạt động: trồng rừng giống, vườn giống, vườn cây đầu dòng, chuyển hóa từ rừng tự nhiên hoặc rừng trồng thành rừng giống, thiết lập lâm phần tuyển chọn, chọn lọc cây trội để làm giống cho đến khi nghiệm thu bàn giao.

10. Công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng, gồm:

a) Hệ thống đường lâm nghiệp: đường ô tô, đường đi bộ hay đường dùng cho công cụ vận chuyển thô sơ khác;

b) Các công trình phòng trừ sâu bệnh hại rừng, phòng chữa cháy rừng: đường ranh cản lửa, chòi canh lửa rừng, kênh mương, bể chứa nước, hồ đập phòng chống chữa cháy rừng;

c) Trạm bảo vệ rừng; các biển báo, biển cảnh báo, cọc mốc ranh giới các khu rừng, các tiểu khu, khoảnh và lô rừng;

d) Các công trình cơ sở hạ tầng cần thiết khác trong các dự án lâm sinh.

11. Thiết kế công trình lâm sinh là quá trình khảo sát điều kiện tự nhiên (địa hình, hiện trạng thực bì, đất đai, khí hậu), điều kiện kinh tế xã hội; đo vẽ xác định phạm vi của công trình ngoài thực địa và trên bản đồ; xác định các thông số và giải pháp kỹ thuật lâm sinh, kỹ thuật xây dựng; xác định nhu cầu vật tư kỹ thuật, nhân công và dự toán đầu tư công trình lâm sinh.

12. Nhà thầu trong hoạt động xây dựng công trình lâm sinh là tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện công trình lâm sinh và các dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật lâm nghiệp, cây con giống, hạt giống, phân bón cho các dự án lâm sinh.

13. Dịch vụ tư vấn xây dựng công trình lâm sinh bao gồm việc điều tra khảo sát, lập dự án đầu tư công trình lâm sinh, xây dựng bản đồ, lập dự án, thiết kế và dự toán, giám sát thi công.

14. Dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh (sau đây gọi chung là Dự án lâm sinh) bao gồm các hồ sơ văn bản và bản đồ mô tả các hoạt động có liên quan đến việc đầu tư vốn, nhân lực để thực hiện một công trình lâm sinh cụ thể, nhằm đem lại những lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường cụ thể, được thực hiện trên một địa bàn và trong một thời gian xác định, trong đó tỷ lệ vốn đầu tư cho hoạt động lâm sinh chiếm từ 50% tổng mức đầu tư của dự án lâm sinh trở lên.

Một Dự án lâm sinh có thể bao gồm nhiều hạng mục công trình lâm sinh có mối liên hệ chặt chẽ với nhau về địa bàn đầu tư, về thời gian thực hiện và mục đích đầu tư của cùng một chủ đầu tư hoặc chỉ một công trình lâm sinh riêng biệt.

15. Chủ đầu tư Dự án lâm sinh là người sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình lâm sinh, được xác định theo quy định của pháp luật về đầu tư - xây dựng.

16. Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng tổng hợp (Sau đây gọi tắt là dự án phát triển lâm nghiệp) là tập hợp các Dự án lâm sinh và công trình xây dựng cơ bản có chung mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng cho một khu vực, cho một hay nhiều địa phương có liên quan với nhau, trong một giai đoạn phát triển, được phê duyệt như một chương trình hay chủ trương đầu tư.

Trong các Dự án phát triển lâm nghiệp (có tính chất như một Dự án Ô) có thể có các Dự án đầu tư thành phần là các Dự án lâm sinh, các Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và các hoạt động phi lâm sinh khác, như: quản lý, quy hoạch, giao đất giao rừng, đào tạo, khuyến lâm, nghiên cứu khoa học trong phạm vi dự án.

Trong một Dự án phát triển lâm nghiệp có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều địa phương khác nhau, có thể có các Dự án phát triển lâm nghiệp hợp phần của mỗi địa phương.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN LÂM SINH

Điều 4. Điều kiện lập dự án lâm sinh

1. Dự án đầu tư lâm sinh được lập trên cơ sở:

- a) Có diện tích đất hoặc diện tích rừng rõ ràng, có ranh giới cụ thể;
- b) Diện tích đất của dự án đã có chủ cụ thể (hoặc có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc có xác nhận của cấp có thẩm quyền về quyền sử dụng đất trong trường hợp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc được giao cho chủ đầu tư thuê); Chủ khu đất có thể trực tiếp đầu tư trong dự án lâm sinh hoặc liên kết với các nhà đầu tư khác;
- c) Khu đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng;
- d) Dự án đầu tư lâm sinh phù hợp với Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của địa phương (nếu là dự án đầu tư lâm sinh độc lập) hoặc là Dự án thành phần trong Dự án phát triển lâm nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong trường hợp trên địa bàn chưa có quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc diện tích đất của dự án nằm ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp, hoặc không nằm trong Dự án phát triển lâm nghiệp được duyệt phải trình cấp có thẩm quyền xin chủ trương cho phép lập dự án.